

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-31
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-31

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 10/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 01 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thủy	Ủy viên
Ông Đoàn Đức Luyện	Ủy viên
Ông Phạm Minh Đức	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Quyền Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh	Giám đốc tư vấn đầu tư
Ông Phạm Đức Phiên	Giám đốc dịch vụ khách hàng
Ông Đinh Danh Vượng	Giám đốc nhân sự

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Vê	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Luyến	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2013

TM. Ban Giám đốc
Quyền Tổng Giám đốc

Vũ Dương Hiền

Số: /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng lập tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc**

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Tùng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1628-2013-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		296.504.468.507	258.988.151.544
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	100.349.252.076	151.695.517.885
111	1. Tiền		92.349.252.076	86.183.892.885
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	65.511.625.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	93.385.148.349	26.792.319.233
121	1. Đầu tư ngắn hạn		103.535.151.734	32.413.537.814
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(10.150.003.385)	(5.621.218.581)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	96.767.591.708	72.847.987.309
131	1. Phải thu của khách hàng		31.285.653.957	31.139.640.906
132	2. Trả trước cho người bán		3.731.963.300	731.963.300
138	5. Các khoản phải thu khác		112.791.143.527	92.021.816.358
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(51.041.169.076)	(51.045.433.255)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.002.476.374	7.652.327.117
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.154.933.506	57.459.433
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	133.723.107	133.723.107
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	4.713.819.761	7.461.144.577
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		44.638.968.712	73.126.401.022
220	II. Tài sản cố định		22.239.897.477	24.069.103.109
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	6.017.992.067	7.134.829.213
222	- Nguyên giá		13.814.463.682	15.383.632.730
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.796.471.615)	(8.248.803.517)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	6.394.026.810	7.106.395.296
228	- Nguyên giá		12.342.191.080	12.342.191.080
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.948.164.270)	(5.235.795.784)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	9.827.878.600	9.827.878.600
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	15.947.357.600	42.947.357.600
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		30.390.406.970	30.390.406.970
258	4. Đầu tư dài hạn khác		16.021.400.000	43.021.400.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(30.464.449.370)	(30.464.449.370)
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.451.713.635	6.109.940.313
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	674.859.216	897.995.329
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	5.776.854.419	5.211.944.984
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		341.143.437.219	332.114.552.566

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		62.212.342.815	60.646.415.761
310	I. Nợ ngắn hạn		62.043.087.303	60.477.160.249
312	2. Phải trả người bán		5.344.500	9.827.209
313	3. Người mua trả tiền trước		146.050.000	221.200.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	459.573.074	317.382.071
315	5. Phải trả người lao động		520.680.664	557.096.265
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	642.989.133	614.283.393
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	59.575.875.886	57.867.405.915
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		691.462.550	888.853.900
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.111.496	1.111.496
330	II. Nợ dài hạn		169.255.512	169.255.512
359	10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		169.255.512	169.255.512
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		278.931.094.404	271.468.136.805
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	278.931.094.404	271.468.136.805
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		401.306.200.000	401.306.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.723.672.400	71.723.672.400
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.352.332.126	4.352.332.126
414	4. Cổ phiếu quỹ		(14.704.390.400)	(14.704.390.400)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		35.850.562.479	35.850.562.479
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.352.332.126	4.352.332.126
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(223.949.614.327)	(231.412.571.926)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		341.143.437.219	332.114.552.566

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
006	6. Chứng khoán lưu ký		1.028.218.120.000	998.732.900.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		897.411.680.000	820.827.790.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		17.122.110.000	12.657.930.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		878.162.790.000	805.961.080.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		2.126.780.000	2.208.780.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		119.657.070.000	119.657.070.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch khách hàng trong nước		119.657.070.000	119.657.070.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		8.051.800.000	33.692.300.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		-	429.800.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		8.051.800.000	33.262.500.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		3.097.570.000	24.555.740.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		3.097.570.000	24.555.740.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		11.009.720.000	35.231.500.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		11.009.720.000	32.062.300.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		5.040.000	3.682.630.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		10.879.750.000	28.379.670.000
054	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		124.930.000	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	3.139.200.000
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch khách hàng trong nước		-	3.139.200.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		-	30.000.000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		-	30.000.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		38.675.690.000	38.675.690.000

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Lan

Đặng Minh Hằng

Vũ Dương Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	22.722.339.031	18.133.540.428
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		5.986.908.826	7.947.942.211
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		9.817.664.070	2.219.825.386
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		205.454.546	36.818.182
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		218.484.863	1.266.000
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	6.000.000
01.9	Doanh thu khác		6.493.826.726	7.921.688.649
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	22.722.339.031	18.133.540.428
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	10.268.509.996	(2.216.638.499)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		12.453.829.035	20.350.178.927
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.991.689.618	34.515.708
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.462.139.417	20.315.663.219
31	8. Thu nhập khác		818.182	-
40	10. Lợi nhuận khác		818.182	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.462.957.599	20.315.663.219
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.462.957.599	20.315.663.219
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	188	512

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Lan

Đặng Minh Hằng

Vũ Dương Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2013	đầu năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.462.957.599	20.315.663.219
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.471.092.968	1.525.908.973
03	- Các khoản dự phòng		4.524.520.625	(29.399.841.282)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.677.226.388)	(10.047.381.235)
06	- Chi phí lãi vay		-	18.180.556
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.781.344.804	(17.587.469.769)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(21.732.924.839)	7.053.579.916
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		10.478.386.080	48.232.368.029
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.565.927.054	(9.299.800.601)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(472.868.796)	(164.990.793)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(18.180.556)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.127.532)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	94.195.110
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.380.135.697)	28.306.573.804
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(43.356.500)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		818.182	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(54.600.000.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.676.408.206	10.047.381.235
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(48.966.130.112)	10.047.381.235
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	48.600.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(48.600.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(51.346.265.809)	38.353.955.039
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		151.695.517.885	61.749.012.724
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>100.349.252.076</u>	<u>100.102.967.763</u>

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Lan

Đặng Minh Hằng

Vũ Dương Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013*

Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		401.306.200.000	-	-	401.306.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		71.723.672.400	-	-	71.723.672.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
4. Cổ phiếu quỹ		(14.704.390.400)	-	-	(14.704.390.400)
7. Quỹ đầu tư phát triển		35.850.562.479	-	-	35.850.562.479
8. Quỹ dự phòng tài chính		4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		#####	7.462.957.599	-	#####
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	271.468.136.805	7.462.957.599	-	278.931.094.404

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		401.306.200.000	-	-	401.306.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		71.723.672.400	-	-	71.723.672.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
4. Cổ phiếu quỹ		(14.704.390.400)	-	-	(14.704.390.400)
7. Quỹ đầu tư phát triển		35.850.562.479	-	-	35.850.562.479
8. Quỹ dự phòng tài chính		4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		#####	20.315.663.219	-	#####
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	259.018.051.426	20.315.663.219	-	279.333.714.645

*Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2013***Người lập****Kế toán trưởng****Quyền Tổng Giám đốc****Nguyễn Thị Phương Lan****Đặng Minh Hằng****Vũ Dương Hiền**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013***1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 10/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 01 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ Công ty là 401.306.200.000 đồng; tương đương 40.130.620 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 225, Bến Chương Dương, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại Thành phố Hà Nội	Số 4, Đường Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán. (Năm 2013, Công ty đã rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 04 năm 2013).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, theo đó nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn tối đa là 3

2.8. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

2.9 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	2.302.262	44.206.048.800
- Cổ phiếu	2.302.262	44.206.048.800
Của người đầu tư	250.213.116	2.161.909.242.000
- Cổ phiếu	250.177.466	2.161.554.294.000
- Chứng khoán khác	35.650	354.948.000
	252.515.378	2.206.115.290.800

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	129.202.760	145.019.006
Tiền gửi ngân hàng	31.658.294.074	28.031.997.478
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	56.381.689.324	56.629.222.370
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	997.054.356	150.645.486
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	3.183.011.562	1.227.008.545
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	8.000.000.000	65.511.625.000
	100.349.252.076	151.695.517.885

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	51.045.433.255	61.432.009.528
Số hoàn nhập trong kỳ	(4.264.179)	(5.043.371.728)
Số dư cuối kỳ	51.041.169.076	56.388.637.800

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	133.723.107	133.723.107
	133.723.107	133.723.107

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	4.522.525.615	7.269.850.431
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	191.294.146	191.294.146
	4.713.819.761	7.461.144.577

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	13.066.110.399	2.038.209.512	279.312.819	15.383.632.730
Mua sắm mới	43.356.500	-	-	43.356.500
Thanh lý, nhượng bán	(63.486.500)	-	-	(63.486.500)
Giảm khác (*)	(1.428.409.821)	-	(120.629.227)	(1.549.039.048)
Số dư cuối kỳ	11.617.570.578	2.038.209.512	158.683.592	13.814.463.682
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	7.061.489.565	1.040.369.380	146.944.572	8.248.803.517
Trích khấu hao	647.758.646	101.910.474	9.055.362	758.724.482
Thanh lý, nhượng bán	(63.486.500)	-	-	(63.486.500)
Giảm khác (*)	(1.086.453.963)	-	(61.115.921)	(1.147.569.884)
Số dư cuối kỳ	6.559.307.748	1.142.279.854	94.884.013	7.796.471.615
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	6.004.620.834	997.840.132	132.368.247	7.134.829.213
Tại ngày cuối kỳ	5.058.262.830	895.929.658	63.799.579	6.017.992.067

Trong đó
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.165.668.811 VND.

(*) Giảm các tài sản không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.095.274.540	10.246.916.540	12.342.191.080
Số dư cuối kỳ	2.095.274.540	10.246.916.540	12.342.191.080
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	827.993.000	4.407.802.784	5.235.795.784
Trích khấu hao	130.993.728	581.374.758	712.368.486
Số dư cuối kỳ	958.986.728	4.989.177.542	5.948.164.270
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	1.267.281.540	5.839.113.756	7.106.395.296
Tại ngày cuối kỳ	1.136.287.812	5.257.738.998	6.394.026.810

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	9.827.878.600	9.827.878.600
- Đầu tư Văn phòng làm việc Chi nhánh Hồ Chí Minh	9.827.878.600	9.827.878.600
	9.827.878.600	9.827.878.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	629.294.773	842.261.997
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.564.443	55.733.332
	674.859.216	897.995.329

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.055.878.712	4.055.878.712
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	1.600.975.707	1.036.066.272
Số dư cuối kỳ	5.776.854.419	5.211.944.984

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	75.111.672	58.820.184
Thuế Thu nhập cá nhân	229.461.402	103.561.887
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	155.000.000	155.000.000
	459.573.074	317.382.071

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	60.286.747	57.562.567
Bảo hiểm xã hội	10.143.677	12.910.864
Bảo hiểm y tế	2.661.322	3.387.142
Bảo hiểm thất nghiệp	437.479	1.127.979
Phải trả cổ tức cho cổ đông	25.732.000	25.732.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	543.727.908	513.562.841
	642.989.133	614.283.393

17 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	59.564.700.886	57.856.230.915
Phải trả về đặt cọc đấu giá cổ phần	11.175.000	11.175.000
	59.575.875.886	57.867.405.915

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	401.306.200.000	401.306.200.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	401.306.200.000	401.306.200.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	401.306.200.000	401.306.200.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.130.620	40.130.620
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.130.620	40.130.620
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.130.620	40.130.620
Số lượng cổ phiếu được mua lại	437.060	437.060
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	437.060	437.060
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.693.560	39.693.560
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	39.693.560	39.693.560
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

19 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu	22.722.339.031	18.133.540.428
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	5.986.908.826	7.947.942.211
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	9.817.664.070	2.219.825.386
- Doanh thu hoạt động tư vấn	205.454.546	36.818.182
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	218.484.863	1.266.000
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	6.000.000
- Doanh thu khác	6.493.826.726	7.921.688.649
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22.722.339.031	18.133.540.428

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	824.272.177	1.239.425.616
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	84.335.805	14.894.650.055
Chi phí hoạt động tư vấn	30.186.591	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	331.038.155	66.152.733
Chi phí dự phòng	4.528.784.804	(24.356.469.554)
Chi phí khác	-	174.225.334
Chi phí trực tiếp chung	4.469.892.464	5.765.377.317
	10.268.509.996	(2.216.638.499)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.934.092.556	2.746.797.371
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	16.836.771	48.499.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	232.151.812	465.431.560
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(4.264.179)	(5.043.371.728)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	945.272.893	565.726.031
Chi phí khác bằng tiền	862.599.765	1.246.433.474
	4.991.689.618	34.515.708

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.462.957.599	20.315.663.219
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(277.431.772.538)	(281.510.404.103)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(650.057.650)	(2.125.624.386)
- Chuyển lỗ các năm trước	(276.781.714.888)	(279.384.779.717)
Tổng thu nhập tính thuế	(269.968.814.939)	(261.194.740.884)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(133.723.107)	(130.595.575)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(3.127.532)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(133.723.107)	(133.723.107)

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	7.462.957.599	20.315.663.219
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.462.957.599	20.315.663.219
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	39.693.560	39.693.560
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	188	512

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.349.252.076	-	151.695.517.885	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	144.076.797.484	(51.041.169.076)	123.161.457.264	(51.045.433.255)
Đầu tư ngắn hạn	103.535.151.734	(10.150.003.385)	32.413.537.814	(5.621.218.581)
Đầu tư dài hạn	46.411.806.970	(30.464.449.370)	73.411.806.970	(30.464.449.370)
	394.373.008.264	(91.655.621.831)	380.682.319.933	(87.131.101.206)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	60.224.209.519	58.491.516.517
	60.224.209.519	58.491.516.517

Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan. Vì vậy, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.349.252.076	-	-	100.349.252.076
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	93.035.628.408	-	-	93.035.628.408
Đầu tư ngắn hạn	93.385.148.349	-	-	93.385.148.349
Đầu tư dài hạn	-	15.947.357.600	-	15.947.357.600
	286.770.028.833	15.947.357.600	-	302.717.386.433
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.695.517.885	-	-	151.695.517.885
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	72.116.024.009	-	-	72.116.024.009
Đầu tư ngắn hạn	26.792.319.233	-	-	26.792.319.233
Đầu tư dài hạn	-	42.947.357.600	-	42.947.357.600
	250.603.861.127	42.947.357.600	-	293.551.218.727

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 30/06/2013				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	60.224.209.519	-	-	60.224.209.519
	<u>60.224.209.519</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>60.224.209.519</u>
Tại 01/01/2013				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	58.491.516.517	-	-	58.491.516.517
	<u>58.491.516.517</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>58.491.516.517</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.183.368.350	1.213.885.422

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Quyền Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Lan

Đặng Minh Hằng

Vũ Dương Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			21.935.151.734	32.413.537.814	6.161.451	1.984.140.167	(10.150.003.385)	(5.621.218.581)	11.791.309.800	28.776.459.400
Chứng khoán niêm yết			6.975.447.234	17.448.231.114	6.161.451	1.984.140.167	(968.599.885)	(509.339.881)	6.013.008.800	18.923.031.400
- SHB	550.048	48	4.095.431.300	431.300	-	-	(300.100.100)	(148.100)	3.795.331.200	283.200
- SHS	320.000	-	2.211.000.000	-	-	-	(227.000.000)	-	1.984.000.000	-
- HAP	31.289	31.289	550.020.081	550.020.081	-	-	(374.801.681)	(396.703.981)	175.218.400	153.316.100
- OPC	5	50.905	181.480	1.847.628.060	168.520	86.761.940	-	-	350.000	1.934.390.000
- SSI	-	55.000	-	936.918.200	-	-	-	(40.418.200)	-	896.500.000
- DVP	3	361.103	121.980	13.993.469.180	83.520	1.895.062.820	-	-	205.500	15.888.532.000
- Các cổ phiếu lẻ khác			118.692.393	119.764.293	5.909.411	2.315.407	(66.698.104)	(72.069.600)	57.903.700	50.010.100
Chứng khoán Upcom	368.043	367.643	14.959.704.500	14.965.306.700	-	-	(9.181.403.500)	(5.111.878.700)	5.778.301.000	9.853.428.000
- HPP	368.043	367.643	14.957.142.100	14.963.090.100	-	-	(9.178.867.000)	(5.110.257.700)	5.778.275.100	9.852.832.400
- Các cổ phiếu lẻ khác			2.562.400	2.216.600	-	-	(2.536.500)	(1.621.000)	25.900	595.600
Đầu tư ngắn hạn khác			81.600.000.000	-	-	-	-	-	81.600.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng			81.600.000.000	-	-	-	-	-	81.600.000.000	-
			103.535.151.734	32.413.537.814	6.161.451	1.984.140.167	(10.150.003.385)	(5.621.218.581)	93.391.309.800	28.776.459.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	31.139.640.906	-	443.246.220	2.983.532.082	2.837.519.031	31.285.653.957	-	443.246.220	(443.246.220)
- Phải thu hoạt động khác	31.139.640.906	-	443.246.220	2.983.532.082	2.837.519.031	31.285.653.957	-	443.246.220	(443.246.220)
Trả trước cho người bán	731.963.300	-	-	3.000.000.000	-	3.731.963.300	-	-	-
- Ứng trước tiền mua hàng hóa dịch vụ cho nhà cung cấp	731.963.300	-	-	3.000.000.000	-	3.731.963.300	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	4.402.938.084	4.402.938.084	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	-	-	4.402.938.084	4.402.938.084	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	92.021.816.358	-	50.602.187.035	723.088.915.852	702.319.588.683	112.791.143.527	-	50.597.922.856	(50.597.922.856)
- Phải thu về mua bán cổ phiếu kỳ hạn	19.345.100.000	-	1.862.100.000	-	63.000.000	19.282.100.000	-	1.799.100.000	(1.799.100.000)
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	13.083.400.538	-	-	512.599.219.203	517.626.663.347	8.055.956.394	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	53.180.849.990	-	48.740.087.035	-	97.111.934	53.083.738.056	-	48.736.822.856	(48.736.822.856)
- Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	4.650.000.000	-	-	210.390.000.000	184.440.000.000	30.600.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.762.465.830	-	-	99.696.649	92.813.402	1.769.349.077	-	62.000.000	(62.000.000)
	123.893.420.564	-	51.045.433.255	733.475.386.018	709.560.045.798	147.808.760.784	-	51.041.169.076	(51.041.169.076)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán			30.390.406.970	30.390.406.970	193.171.400	193.171.400	(19.683.049.370)	(19.683.049.370)	10.900.529.000	10.900.529.000
Chứng khoán khác			30.390.406.970	30.390.406.970	193.171.400	193.171.400	(19.683.049.370)	(19.683.049.370)	10.900.529.000	10.900.529.000
- Công ty CP Bảo Long	83.600	83.600	901.000.000	901.000.000	-	-	(399.400.000)	(399.400.000)	501.600.000	501.600.000
- Công ty CP Đức Tân Long	990.910	990.910	11.890.920.000	11.890.920.000	-	-	(10.404.555.000)	(10.404.555.000)	1.486.365.000	1.486.365.000
- Công ty CP Bao bì Bia-Rượu-Nước Giải khát Hải Phòng	17.710	17.710	180.642.000	180.642.000	-	-	(3.542.000)	(3.542.000)	177.100.000	177.100.000
- Công ty CP Cơ khí Đóng tàu Thủy sản	104.641	104.641	643.956.600	643.956.600	193.171.400	193.171.400	-	-	837.128.000	837.128.000
- Công ty CP SIVICO	100.000	100.000	2.077.000.000	2.077.000.000	-	-	(1.077.000.000)	(1.077.000.000)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	132.709	132.709	1.881.600.000	1.881.600.000	-	-	(819.928.000)	(819.928.000)	1.061.672.000	1.061.672.000
- Công ty CP Dược phẩm TW3	24.000	24.000	850.000.000	850.000.000	-	-	(610.000.000)	(610.000.000)	240.000.000	240.000.000
- Công ty CP Chế tạo máy	300.000	300.000	4.048.500.000	4.048.500.000	-	-	(1.198.500.000)	(1.198.500.000)	2.850.000.000	2.850.000.000
- Công ty CP Xây dựng số 8	133.333	133.333	1.906.788.370	1.906.788.370	-	-	(1.373.456.370)	(1.373.456.370)	533.332.000	533.332.000
- Công ty CP Dệt may Đồng Á	20.000	20.000	360.000.000	360.000.000	-	-	(220.000.000)	(220.000.000)	140.000.000	140.000.000
- Công ty CP VINABOTMI	266.666	266.666	4.110.000.000	4.110.000.000	-	-	(3.576.668.000)	(3.576.668.000)	533.332.000	533.332.000
- Công ty Quản lý quỹ IFM	154.000	154.000	1.540.000.000	1.540.000.000	-	-	-	-	1.540.000.000	1.540.000.000
Đầu tư dài hạn khác			16.021.400.000	43.021.400.000	-	-	(10.781.400.000)	(10.781.400.000)	5.240.000.000	32.240.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 12 tháng			-	27.000.000.000	-	-	-	-	-	27.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác			16.021.400.000	16.021.400.000	-	-	(10.781.400.000)	(10.781.400.000)	5.240.000.000	5.240.000.000
			46.411.806.970	73.411.806.970	193.171.400	193.171.400	(30.464.449.370)	(30.464.449.370)	16.140.529.000	43.140.529.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012								
Số dư đầu kỳ	401.306.200.000	71.723.672.400	4.352.332.126	(14.704.390.400)	35.850.562.479	4.352.332.126	(243.862.657.305)	259.018.051.426
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	20.315.663.219	20.315.663.219
Số dư cuối kỳ	401.306.200.000	71.723.672.400	4.352.332.126	(14.704.390.400)	35.850.562.479	4.352.332.126	(223.546.994.086)	279.333.714.645
Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013								
Số dư đầu kỳ	401.306.200.000	71.723.672.400	4.352.332.126	(14.704.390.400)	35.850.562.479	4.352.332.126	(231.412.571.926)	271.468.136.805
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	7.462.957.599	7.462.957.599
Số dư cuối kỳ	401.306.200.000	71.723.672.400	4.352.332.126	(14.704.390.400)	35.850.562.479	4.352.332.126	(223.949.614.327)	278.931.094.404

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Xổ số và Đầu tư Tài chính Hải Phòng	59.124.000.000	14,73%	59.124.000.000	14,73%
Vốn góp của Công ty CP Tập đoàn Hapaco	26.484.400.000	6,60%	26.484.400.000	6,60%
Vốn góp của các cổ đông khác	315.697.800.000	78,67%	315.697.800.000	78,67%
	401.306.200.000	100%	401.306.200.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	5.986.908.826	9.817.664.070	6.917.766.135	22.722.339.031	-	22.722.339.031
Chi phí bộ phận trực tiếp	4.996.120.983	4.887.676.681	384.712.332	10.268.509.996	-	10.268.509.996
Chi phí không phân bổ	-	-	4.991.689.618	4.991.689.618	-	4.991.689.618
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	990.787.843	4.929.987.389	1.541.364.185	7.462.139.417	-	7.462.139.417
Tài sản bộ phận trực tiếp	25.866.559.454	108.176.691.790	207.100.185.975	341.143.437.219	-	341.143.437.219
Tổng tài sản	25.866.559.454	108.176.691.790	207.100.185.975	341.143.437.219	-	341.143.437.219
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	59.745.131.398	-	-	59.745.131.398	-	59.745.131.398
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.467.211.417	-	2.467.211.417
Tổng nợ phải trả	59.745.131.398	-	-	62.212.342.815	-	62.212.342.815

Theo khu vực địa lý:

	Hội sở	Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	18.056.565.491	2.155.562.715	2.510.210.825	22.722.339.031	-	22.722.339.031
Tài sản bộ phận	300.593.661.992	15.357.584.556	25.192.190.671	341.143.437.219	-	341.143.437.219
Nợ phải trả bộ phận	38.883.539.639	10.968.401.082	12.360.402.094	62.212.342.815	-	62.212.342.815